

**Mẫu CBTT/SGDHCM-03**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD  
SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN THÀNH NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2022/BC-TNI

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Kỳ báo cáo: năm 2021

| STT |                                                           | Câu hỏi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phần trả lời |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | <b>Thông tin chung</b><br>-<br><i>General Information</i> | Mã chứng khoán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TNI          |
|     |                                                           | <i>Securities code</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |              |
| 2   |                                                           | Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0            |
|     |                                                           | <i>Shareholding proportion of State shareholder (%)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |
| 3   |                                                           | Mô hình công ty (1 hoặc 2)/ <i>Company's model (1 OR 2)</i><br>§ 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014<br><i>According to Point a Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014.</i><br>§ 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014<br><i>According to Point b Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014</i> | 1            |
| 4   |                                                           | Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?<br><i>Number of legal representatives?</i>                                                                                                                                                                                                                                             | 1            |
| 5   |                                                           | Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không)<br><i>Company Charter built in accordance of Law on Enterprise 2014 (Yes/No)?</i>                                                                                                                                                                                                | Có           |
| 6   | <b>Đại hội đồng Cổ Đông</b><br>-                          | Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường<br><i>Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)</i>                                                                                                                                                                                                  | 22/06/2021   |
|     |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |              |
| 7   | <b>The General Meeting of Shareholders</b>                | Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo<br><i>Publish date of materials for General Meeting of Shareholders</i>                                                                                                                                                                                                       | 26/05/2021   |
|     |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |              |

|    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|----|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8  |                                                            | Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông<br><i>Release date of The Resolution and Minute of General Meeting of Shareholders</i>                                                                                      | 22/06/2021  |
| 9  |                                                            | Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)<br><i>General Meeting of Shareholders was successfully at 1<sup>st</sup>, 2<sup>nd</sup> or 3<sup>rd</sup></i>                                                 | 1           |
| 10 |                                                            | Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)<br><i>Is there any complaint, litigation related to General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>                   | Không<br>No |
| 11 |                                                            | Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông<br><i>No. of Warning by the Stock Exchange related to General Meeting of Shareholder</i>                  | Không<br>No |
| 12 |                                                            | Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông<br><i>No. of Caution by the State Securities Commission related to General Meeting of Shareholders</i> | Không<br>No |
| 13 | <b>Hội đồng quản trị</b><br>-<br><b>Board of Directors</b> | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị<br><i>Number of BOD members</i>                                                                                                                                                                | 4           |
| 14 |                                                            | Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập<br><i>Number of independent BOD members</i>                                                                                                                                            | 1           |
| 15 |                                                            | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không)<br><i>Does Chair of the BOD concurrently hold the Chief Executive Officer / General Director position?</i>                                                   | Không<br>No |
| 16 |                                                            | Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị<br><i>Number of BOD meetings</i>                                                                                                                                                                 | 10          |
| 17 |                                                            | Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không)<br><i>Does the company establish sub-boards under the BOD?</i>                                                                                                                      | Không<br>No |
| 18 |                                                            | Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ <i>Name of sub-boards directly under the BOD?</i>                                                                                                                                     | Không<br>No |
| 19 |                                                            | Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)<br><i>Is any independent Director in charge of wage, reward or personnel policy?</i>                                               | Không<br>No |

|    |                                                       |                                                                                                                                                                                           |             |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20 | Ban kiểm soát<br>-<br>Supervisory Board               | Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?                                                                                                                                    | Có<br>Yes   |
|    |                                                       | <i>Is the Head of Supervisory Board full-time contracted at the company?</i>                                                                                                              |             |
| 21 |                                                       | Số lượng TV Ban Kiểm soát                                                                                                                                                                 | 3           |
|    |                                                       | <i>No. of member of Supervisory Board</i>                                                                                                                                                 |             |
| 22 |                                                       | Trong đó có bao nhiêu kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên                                                                                                                       | 3           |
|    |                                                       | <i>Number of Supervisory Board's members is certified accountants/auditors</i>                                                                                                            |             |
| 23 |                                                       | Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có)     | 0           |
|    |                                                       | <i>Number of Supervisory Board's Members is the related person of BOD members, CEO/General Director and other managers (detailed list)</i>                                                |             |
| 24 |                                                       | Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý (liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có)                                                                                                    | 0           |
|    |                                                       | <i>Number of Supervisory Board's Member holding managing position? (detailed list, if any)</i>                                                                                            |             |
| 25 |                                                       | Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 6 tháng trước khi được bầu vào BKS (Có/Không) | 0           |
|    |                                                       | <i>Number of Supervisory Board's Member worked in the financial and accounting department or as the auditor for the company in the previous 6 months?</i>                                 |             |
| 26 |                                                       | Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát                                                                                                                                                           | 2           |
|    |                                                       | <i>Number of meetings of Supervisory Board</i>                                                                                                                                            |             |
| 27 |                                                       | Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không (Có/Không)                                                                                                                                          | Không<br>No |
|    |                                                       | <i>Does company have Internal audit committee (Yes/No)</i>                                                                                                                                |             |
| 28 |                                                       | Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc bộ phận nào? (HĐQT/BGD/BKS/Khác)                                                                                                                          | Không<br>No |
|    |                                                       | <i>To whom Internal Audit Committee reporting? (BoD/BoM/Supervisory Board/Others)</i>                                                                                                     |             |
| 29 | Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ              | 0                                                                                                                                                                                         |             |
|    | <i>Number of members of Internal Audit Committee</i>  |                                                                                                                                                                                           |             |
| 30 | Số lượng cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ            | 0                                                                                                                                                                                         |             |
|    | <i>Number of meetings of Internal Audit Committee</i> |                                                                                                                                                                                           |             |
| 31 | Vấn đề khác                                           | Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)                                                                                                           | Có          |



|    |                          |                                                                                                                                              |       |
|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | -<br><b>Other issues</b> | <i>Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)</i>                                     | Yes   |
| 32 |                          | Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)                                       | Không |
|    |                          | <i>Dividend is paid within 6 months after the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>                                           | No    |
| 33 |                          | Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không) | Không |
|    |                          | <i>Does the Stock Exchange or the State Securities Commission warn the company on illegally transactions with related parties? (Yes/No)</i>  |       |

**Đại diện tổ chức**

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Đoàn Thị Thu Thủy**

